

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Đường nối Cụm công nghiệp Phú Túc
đi Tỉnh lộ 763, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020 và chủ trương đầu tư một số dự án;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 153/BC-SKHĐT ngày 24 tháng 3 năm 2022.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đường nối Cụm công nghiệp Phú Túc đi Tỉnh lộ 763, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đường nối Cụm công nghiệp Phú Túc đi Tỉnh lộ 763, huyện Định Quán.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Định Quán.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư

a) Mục tiêu đầu tư: Xây dựng tuyến đường giao thông theo quy hoạch phục vụ Cụm công nghiệp Phú Túc và việc đi lại của người dân; đồng thời, xây dựng Khu tái định cư dọc hai bên đường, nhằm bố trí các hộ tái định cư khi giải phóng mặt bằng xây dựng Cụm công nghiệp Phú Túc theo quy hoạch và đường Cao tốc Dầu Giây - Đà Lạt khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng dự án này, góp phần nâng cao đời sống của người dân trong khu vực.

b) Quy mô đầu tư

- Xây dựng mới tuyến đường dài khoảng 2,783 km. Điểm đầu tuyến giáp đường cầu Ván - Phú Túc, điểm cuối tuyến giao với Tỉnh lộ 763. Mặt đường rộng 7,0 m, kết cấu bê tông nhựa nóng, nền đường rộng 17,0 m; lộ giới đường 32,0 m. Vận tốc thiết kế 60 km/h, tại những vị trí địa hình khó khăn vận tốc thiết kế 40 km/h.

- Xây dựng Hệ thống: Thoát nước mưa, cấp điện, chiếu sáng.

5. Các tổ chức tư vấn

a) Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ Phần Tư vấn Thiết kế Đông Nam và Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thành Biên.

b) Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà

c) Nhà thầu thẩm tra: Công ty TNHH Giao thông Trường Phát.

d) Chủ nhiệm lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi: Kỹ sư Dương Minh Như.

6. Địa điểm xây dựng: Xã Phú Túc, huyện Định Quán; nhu cầu sử dụng đất: Khoảng 8,53 ha.

7. Loại công trình: Đường giao thông; dự án: Nhóm B; cấp công trình: Cấp III. Thời hạn sử dụng của công trình theo thiết kế tối đa 50 năm (QCVN 03-2012).

8. Số bước thiết kế: 02 bước (Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

8.1. Giải pháp thiết kế cơ sở

a) Hạng mục đường giao thông: Xây dựng mới tuyến đường dài 2,783 km. Điểm đầu giao đường Cầu Ván qua Cụm công nghiệp Phú Túc, điểm cuối tuyến giao với Tỉnh lộ 763, đường cấp IV đồng bằng, vận tốc thiết kế 60 km/h. Mặt đường rộng 7,0 m; nền đường rộng 17,0 m; lộ giới đường 32,0 m.

- Bình đồ: Tim tuyến bám theo quy hoạch được duyệt, tại các vị trí giao với đường nhánh bố trí các đường cong vuốt nối đảm bảo tầm nhìn.

- Trắc dọc: Không chế tại các vị trí điểm đầu và điểm cuối dự án; đảm bảo độ dốc, không đào sâu hay đắp cao so với mặt đất tự nhiên.

- Mặt cắt ngang:

+ Phần xe chạy : 2 làn x 3,5 m = 7,0 m.

+ Lề gia cố : 2 bên x 1,0 m = 2,0 m.

+ Lề đất : 2 bên x 4,0 m = 8,0 m.

+ Nền đường : = 17,0 m.

+ Độ dốc ngang: Mặt đường 2%; lề đất 4%.

+ Mái taluy: Nền đào 1/1; nền đắp 1/1,5.

- Nền đường:

+ Nền đắp: Bóc lớp hữu cơ bề mặt chiều dày trung bình 20 cm trước khi thi công nền thượng và kết cấu mặt đường.

+ Nền đào: Phần lề đất đào đến cao độ thiết kế, lu lèn đầm chặt K95. Phần mặt đường đào đến đáy kết cấu áo đường, lu lèn đầm chặt K95.

- Mặt đường: Kết cấu mặt đường (*Giống kết cấu lề gia cố*) cấp cao A1; mô đun đàn hồi yêu cầu: $E_{yc} \geq 133 \text{ Mpa}$. Kết cấu áo đường, gồm: Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 4 cm; tưới nhựa dính bảm 0,5 kg/m²; lớp bê tông nhựa C19 dày 6 cm; tưới nhựa thấm bảm 1 kg/m²; lớp đá dăm nước dày 30 cm (2 lớp); đất cấp 3 chọn lọc dày 30 cm, lu lèn độ chặt K98; đất nền lu lèn K95.

- Lề đường đất: Đất cấp 3 chọn lọc, lu lèn đạt độ chặt $K > 0,95$.

b) Hạng mục thoát nước

- Thoát nước ngang:

+ Các vị trí tụ thủy (Km0+444, Km2+034) bố trí cống ngang đường bằng cống hộp đúc sẵn khẩu độ 1,0m x 1,0m, tải trọng H30-XB80. Bổ sung hệ thống mương dọc bằng bê tông cốt thép đáy đan kích thước 1,0m x 1,0m để dẫn nước về hạ lưu, chiều dài khoảng 565 m.

+ Đào bỏ cống ngang đường hiện hữu tại lý trình Km0+900 thay bằng cống hộp đúc sẵn khẩu độ 1,0m x 1,0m, tải trọng H30-XB80.

+ Tại nút giao đầu tuyến (Lý trình Km0+002,9) và cuối tuyến (Lý trình Km2+782,97) bố trí cống ngang qua đường để duy trì thoát nước dọc cho đường hiện hữu giao cắt với tuyến.

- Thoát nước dọc: Mương dọc bê tông cốt thép kích thước 60xH (H $\geq$ 80cm) hai bên tuyến. Chiều dài khoảng 5.395 m. Mương ngang đường nhánh sử dụng mương bê tông đáy đan chịu lực, kích thước mương 60xH (H > 80cm). Chiều dài khoảng 116 m.

c) Tổ chức giao thông: Xây dựng tín hiệu giao thông: Biển báo, vạch sơn, cọc tiêu, hộ lan,... theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

d) Hệ thống điện

- Xây dựng mới đường dây trung hạ thế 1 pha.

+ Điểm đầu tại vị trí trụ trung thế hiện hữu 472TĐ/123/025; điểm cuối tại vị trí trụ trung thế xây dựng mới 472TĐ/123/035. Chiều dài khoảng 1.380 m. Sử dụng dây dẫn loại 1ACX-50 + 1AC50 mm²; cấp điện áp 12,7kV.

+ Hướng tuyến: Đường dây trung thế đi trên lễ đường dọc theo đường xây dựng mới, cách mép đường 3 m.

+ Nguồn đầu nối tuyến 472 Thành Đồng của Trạm biến áp trung gian 110/22 Kiệm Tân.

- Trạm biến áp: Xây dựng mới 01 Trạm biến áp 1x15kVA.

- Phần điện chiếu sáng: Chiều dài đường dây hạ thế chiếu sáng ngầm xây dựng mới khoảng 2.754 m; tổng số 92 trụ.

8.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- Quy trình khảo sát đường ô tô: 22TCN 263-2000;

- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô: TCVN 4054-2005;

- Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế: 22TCN 211-06;

- Tiêu chuẩn thiết kế cống theo các trạng thái giới hạn: 22TCN-18 79;

- Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép: TCVN 5574:2012;

- Tiêu chuẩn về thép cốt bê tông: TCVN 1651:2008;

- Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ: TCVN 9845-2013;

- Tiêu chuẩn tải trọng thiết kế H30-XB80: TCVN 7957:2008

- Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT;

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành khác liên quan đến thiết kế công trình.

9. Tổng mức vốn đầu tư: **96.110.000.000 đồng** (Chín mươi sáu tỷ, một trăm mười triệu đồng chẵn). Trong đó:

a) Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng : 31.780.000.000 đồng.

b) Chi phí xây dựng : 51.613.823.573 đồng.

c) Chi phí quản lý dự án : 870.909.334 đồng.

d) Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 3.339.305.862 đồng.

đ) Chi phí khác : 1.447.071.095 đồng.

e) Chi phí dự phòng : 7.058.890.135 đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án: Tối đa không quá 4 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

11. Nguồn vốn đầu tư

a) Ngân sách tỉnh: 50% (Trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn năm 2021 - 2025 của tỉnh Đồng Nai);

b) Ngân sách huyện: 50%.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên: Không; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (*Nếu có*): Theo quy định của pháp luật về đất đai và các quy định khác có liên quan.

14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước: Không

15. Các nội dung khác cần lưu ý khi triển khai bước thiết kế bản vẽ thi công

a) Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật.

b) Ủy ban nhân dân huyện Định Quán rà soát, bố trí nguồn vốn đối với các chi phí còn lại của dự án (*50% ngân sách huyện*) trong Kế hoạch trung hạn giai đoạn năm 2021 - 2025 của huyện để đảm bảo nguồn vốn thực hiện dự án.

c) Trong quá trình thực hiện, yêu cầu Chủ đầu tư tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng và bảo trì công trình, bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ theo quy định; nghiên cứu thực hiện các ý kiến góp ý của các Sở, ngành liên quan.

d) Thực hiện thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông theo quy định.

đ) Sử dụng phần chi phí dự phòng đúng mục đích tránh trường hợp đề nghị phát sinh công việc hoặc tăng thêm hạng mục công trình để sử dụng dự phòng phí.

e) Giao Ủy ban nhân dân huyện Định Quán có giải pháp, phương án, tổ chức triển khai thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

g) Đối với hệ thống thoát nước: Khảo sát, đánh giá lưu vực thoát nước để tính toán thủy lực, thủy văn cống nhằm đưa phương án thiết kế cống thoát nước ngang vừa đảm bảo khả năng thoát nước, đồng thời đảm bảo cao độ thiết kế đường đổ hài hòa với hiện trạng hai bên tuyến, tránh trường hợp đắp cao ảnh hưởng đến dân sinh hai bên và giảm chi phí xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Định Quán và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Chánh, các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KTN, Tan.
- <F:\2022\Định Quán\XDCB GT>

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Tấn Đức

**Phụ lục**

(Kèm theo Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	THÀNH TIỀN
	TỔNG MỨC VỐN ĐẦU TƯ	96.110.000.000
1	Chi phí xây dựng	51.613.823.573
1.1	Đường giao thông	21.541.458.796
1.2	Mương thoát nước	25.348.034.880
1.3	Hệ thống điện	4.724.329.898
2	Chi phí thiết bị	
3	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	31.780.000.000
4	Chi phí quản lý dự án	870.909.334
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.339.305.862
5.1	CP khảo sát địa chất bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	82.498.766
5.2	CP khảo sát địa hình, điều tra thủy văn, cắm mốc lộ giới bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	301.861.500
5.3	Chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	265.311.388
5.4	Chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	59.237.448
5.5	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công phần đường	558.229.870
5.6	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công phần điện	104.033.083
5.7	Chi phí khảo sát địa hình bước thiết kế bản vẽ thi công	139.556.514
5.8	Chi phí khảo sát địa chất bước thiết kế bản vẽ thi công	38.600.552
5.9	Chi phí khảo sát điện bước thiết kế bản vẽ thi công	47.745.954
5.10	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công phần đường	54.621.003
5.11	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng công trình phần đường	51.434.966
5.12	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công phần điện	9.361.575
5.13	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng công trình phần điện	9.026.025
5.14	Chi phí giám sát khảo sát bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	15.651.150
5.15	Chi phí giám sát khảo sát bước lập thiết kế bản vẽ thi công	7.254.556
5.16	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1.234.240.498
5.17	Chi phí lập hồ sơ mời thầu tư vấn khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công	2.704.012
5.18	Chi phí đánh giá hồ sơ mời thầu tư vấn khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công	3.304.905
5.19	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công	1.000.000
5.20	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công	1.000.000
5.21	Chi phí lập hồ sơ mời thầu thi công xây dựng	37.121.209
5.22	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	45.370.368



5.23	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu xây dựng	25.806.912
5.24	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng	25.806.912
5.25	Chi phí lập hồ sơ mời thầu tư vấn giám sát	4.532.131
5.26	Chi phí đánh giá hồ sơ mời thầu tư vấn giám sát	5.539.271
5.27	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu giám sát	1.000.000
5.28	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu giám sát	1.000.000
5.29	Chi phí thẩm tra an toàn giao thông	206.455.294
6	Chi phí khác	1.447.071.095
6.1	Chi phí bảo hiểm công trình	139.357.324
6.2	Chi phí đo đạc, đo đạc, đo đạc, lập bản đồ địa chính và cắm mốc ranh thu hồi đất	144.372.000
6.3	Phí thẩm định thiết kế xây dựng công trình	10.604.295
6.4	Phí thẩm định dự toán xây dựng công trình	10.041.235
6.5	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	184.800.000
6.6	Phí thẩm định dự án đầu tư	6.462.267
6.7	Chi phí kiểm toán	381.906.513
6.8	Chi phí đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công	271.808.140
6.9	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	112.583.247
6.10	Kiểm tra chất lượng công trình xây dựng của cơ quan quản lý nhà nước trước khi nghiệm thu hoàn thành	185.136.074
7	Dự phòng phí	7.058.890.135
7.1	Dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh	5.426.311.298
7.2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	1.632.578.837